TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày: 08 - 12 -2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Thành Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 11 và ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C - Địa chỉ: số A, phố L, Hoàng L, Hoàng M, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Xuân B, sinh năm 1980, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp - *Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp*. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/9/2021)*

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1973.

2.2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1975. (vợ ông T)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Đều đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng C thì: vào ngày 26 tháng 02 năm 2009 có cho vợ chồng anh Lê Văn T, sinh năm: 1973 và chị Trần Thị D, sinh năm: 1975 - cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vay số tiền 5.000.000 đồng, thuộc chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, theo mã số vay số: 6000005100224994, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,17%/tháng – Tiền gốc thì trả theo định kỳ 06 tháng/lần là tương đương 600.000 đồng, tiền lãi thì trả hàng tháng. Tuy nhiên từ ngày vay đến ngày 14/02/2013 (là 48 tháng) hết hạn trả nợ, nhưng vợ chồng anh T, chị D không trả tiền gốc theo định kỳ và lãi thì trả không đúng hạn, cụ thể: ngày 31/01/2014 trả lãi được 1.374.000 đồng, ngày 18/6/2014 trả lãi được 500.000 đồng, tổng cộng 1.874.000 đồng, trong khi đó tiền lãi trong hạn từ ngày vay đến ngày 14/02/2013 là 2.142.000 đồng và phần lãi quá hạn từ 15/02/2013 đến ngày 20/6/2016 là 1.806.000 đồng; riêng từ ngày 20/6/2016 đến ngày 20/6/2021 khoanh nợ không tính lãi; Lãi được tính tiếp là từ ngày 20/6/2021 đến ngày 25/10/2021 là 244.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi từ ngày vay đến ngày 25/10/2021 là: 4.192.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả được là: 1.874.000 đồng, còn lại là: 2.318.000 đồng.

Nay Ngân hàng C yêu cầu anh Lê văn T, chị Trần Thị D cùng liên đới trả số tiền vay còn nợ đến ngày 25/10/2021 là: 7.318.000 đồng (trong đó nợ gốc là: 5.000.000 đồng, lãi là: 2.318.00000 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo sổ vay vốn đã ký cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn anh Lê Văn T, chị Trần Thị D: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nên không có ý kiến.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến*:**

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy: yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc ông Lê Văn T, bà Trần Thị D liên đới trả tổng số tiền vay còn nợ là 5.000.000 đồng và lãi suất theo quy định, đồng thời tiếp tục chịu lãi theo khế ước đến khi trả xong nợ.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp cùng với bị đơn tại huyện Hồng Ngự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện H,

tỉnh Đồng Tháp có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn T, bà Trần Thị D đã được thực hiện các thủ tục tố tụng vắng mặt đúng quy định và triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo hồ sơ thể hiện cũng như qua diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, thì vào ngày 26 tháng 02 năm 2009 ông Lê Văn T, bà Trần Thị D, cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp có nhận vay số tiền 5.000.000 đồng từ chỗ Ngân hàng C huyện H, tỉnh Đồng Tháp cho vay theo Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, tại sổ vay vốn Mã khách hàng: 173579 (trong đó ông T ký tên người vay, bà D ký tên người thừa kế). Theo Ngân hàng trình bày từ khi vay đến nay ông T, bà D không trả tiền gốc theo định kỳ, lãi thì trả không đủ và không đúng hạn theo hợp đồng đã ký kết, tại vụ án này ông T, bà D thì không tham gia tố tụng tại Tòa án. Hội đồng xét xử nhận định: Đối với bị đơn ông T, bà D mặc dù không có ý kiến và Tòa án không làm việc được, nhưng căn cứ vào sổ vay vốn như đã nêu trên và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ có mã số vay: 09.0812.1415, mã số khách hàng: 51.28.120430 thì ông T, bà D đã ký kết với Ngân hàng C để nhận vay số tiền là 5.000.000 đồng là có thật và theo Ngân hàng C cung cấp tài liệu thì số nợ này đã quá hạn trả nợ từ ngày 15/02/2013, do đó tiền lãi trong hạn và quá hạn từ khi vay đến ngày 25/10/2021 là: 4.192.000 đồng, ông T, bà D có trả được 1.874.000 đồng tiền lãi, còn lại tiền lãi là: 2.318.000 đồng. Nên xét thấy yêu cầu của Ngân hàng C là có cơ sở chấp nhận và buộc ông Lê Văn T, bà Trần Thị D liên đới tiếp tục trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ tính đến ngày 25/10/2021 là 7.318.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 2.318.000 đồng) và tiếp tục trả lãi theo Sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ có mã số vay: 09.0812.1415, mã số khách hàng: 51.28.120430 đã ký cho đến khi trả hết nợ.

[3]. Với nhận định trên, xét thấy đề nghị về việc giải quyết vụ án như đã nêu trên của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án để tính án phí. Trong vụ án thì ông T, bà D là bị đơn có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng C là 7.318.000 đồng, nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 366.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân Sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện H, tỉnh Đồng Tháp, về việc đòi tiền cho vay đối với bị đơn ông Lê Văn T, bà Trần Thị D.

2. Buộc bị đơn ông Lê Văn T, bà Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho nguyên đơn Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện H, tỉnh Đồng Tháp tổng số tiền là 7.318.000 đồng *(Bảy triệu ba trăm mười tám ngàn đồng)*,(trong đó tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng, tiền nợ lãi đã tính đến ngày 25/10/2021 là 2.318.000 đồng) và phải chịu lãi tiếp tục theo Sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ có mã số vay: 09.0812.1415, mã số khách hàng: 51.28.120430 đã ký cho đến khi trả hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Văn T, bà Trần Thị D liên đới phải nộp 366.000 đồng *(Ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện H, tỉnh Đồng Tháp và bị đơn ông Lê Văn T, bà Trần Thị D – (đều vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hông Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách